

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/HS - ST

Ngày: 11 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Cao Thượng.

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Cao Thanh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2018/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Công Kh - Sinh năm 1979 tại xã GA, huyện GT, tỉnh ND; nơi ĐKKTT và nơi cư trú: Xóm 1 xã GA, huyện GT, tỉnh ND; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th, sinh năm 1952 và bà Trần Thị T, sinh năm 1953; có vợ là: Vũ Thị T, sinh năm 1979; có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam tính từ ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 03/8/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn khác, hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Quyết định về việc Bảo lãnh số 13 ngày 03/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

2. Phạm Ngọc T - Sinh năm 1988 tại xã XN, huyện XT, tỉnh ND; nơi ĐKKTT và nơi cư trú: Xóm 6, NX, xã XN, huyện XT, tỉnh ND; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công V, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960; có vợ là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn khác, hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 28 ngày 14/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

3. Phạm Văn Nghĩ - Sinh năm 1988 tại xã XH, huyện XT, tỉnh ND; nơi ĐKHKT và nơi cư trú: Xóm 7, XH, huyện XT, tỉnh ND; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng L, sinh năm 1954 và bà Trần Thị Ng, sinh năm 1955; có vợ là: Nguyễn Hoài Th, sinh năm 1994; có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn khác, hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 29 ngày 14/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

4. Nguyễn Văn L - Sinh năm 1971 tại xã XH, huyện XT, tỉnh ND; nơi ĐKHKT và nơi cư trú: Xóm 11 XH, huyện XT, tỉnh ND; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức X và Bùi Thị G (đều đã chết); có vợ là: Mai Thị T, sinh năm 1973; có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn khác, hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27 ngày 14/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

5. Ngô Đức S - Sinh năm 1969 tại xã GT, huyện GT, tỉnh ND; nơi ĐKHKT và nơi cư trú: Xóm 22, xã GT, huyện GT, tỉnh ND; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Đức Ô, sinh năm 1943 và bà Phạm Thị Đ (đã chết); có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn khác, hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 30 ngày 14/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

6. Hứa Văn Tr - Sinh năm 1981 tại xã TS, huyện LN, tỉnh BG; nơi ĐKHKT và nơi cư trú: Xóm TL xã TS, huyện LN, tỉnh BG; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn S, sinh năm 1964 và bà Lã Thị Nh, sinh năm 1962; có vợ là: Lèng Thị L, sinh năm 1982; có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam tính từ ngày bị bắt tạm giữ 09/7/2018 đến ngày 03/8/2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn khác, hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Quyết định về việc bảo lãnh số 14 ngày 03/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

7. Ngô Doãn Ch - Sinh năm 1974 tại xã GT, huyện GT, tỉnh ND; nơi ĐKHKT và nơi cư trú: Xóm 21 xã GT, huyện GT, tỉnh ND; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Doãn C (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1933; có vợ là: Vũ Thị M, sinh năm 1975; có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn khác, hiện tại

ngoại tại địa phương chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 31 ngày 14/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hứa Văn Tr:* Bà Trần Thị Thủy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn Ch - Sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 12 xã GT, huyện GT, tỉnh ND.

+ Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 2, xã TL, huyện TG, tỉnh TH.

+ Anh Nguyễn Khắc T - Sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 7 xã GA, huyện GT, tỉnh ND.

+ Anh Nguyễn Văn Gi - Sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 11 xã XH, huyện XT, tỉnh ND.

+ Chị Đinh Thị H - Sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 21 xã GT, huyện GT, tỉnh ND.

+ Anh Ngô Văn H - Sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 21 xã GT, huyện GT, tỉnh ND.

Tại phiên tòa: Có mặt các bị cáo, người bào chữa; vắng mặt người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 09/7/2018, Phạm Công Kh, Phạm Ngọc T gặp nhau tại quán ăn sáng của anh Mai Đức H sau đó rủ nhau về nhà coi đầm của Kh tại khu nuôi trồng thủy sản ở xã GA uống nước. Tại đây, Kh, T, Ngh, L cùng thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh liêng ăn tiền vào gà 20.000 đồng/ván, tổ cao nhất 200.000 đồng, ai được sấp thì bỏ ra 100.000 đồng góp tiền ăn trưa. Kh lấy 01 bộ tú lơ khơ đã có sẵn ở nhà coi đầm của mình rồi cùng T, Ngh, L ngồi xuống chiếu đã được trải từ trước đánh bạc ăn tiền. Sau đó lần lượt các đối tượng: Ngô Đức S, Nguyễn Văn Ch, Ngô Doãn Ch, Hứa Văn Tr và Nguyễn Văn C cũng đến coi đầm của Kh, trong đó có S, Tr và Ch tham gia đánh bạc ăn tiền cùng Kh, T, Ngh, L còn Ch và C không tham gia đánh bạc. Các đối tượng đánh liêng ăn tiền từ khoảng 09 giờ đến 11 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Giao Thủy kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.100.000 đồng, thu trên người các đối tượng 26.260.000 đồng trong đó có 760.000 đồng các đối tượng khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc, 13 điện thoại, 07 xe máy các loại và 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, 02 chiếc chiếu đưa về Công an huyện Giao Thủy. Quá trình khám xét khẩn cấp nhà coi đầm của Phạm công Kh, lực lượng công an còn thu giữ 02 bộ bài tú lơ khơ còn nguyên vẹn.

Tại phiên tòa: Phạm Công Kh khai nhận có 700.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, khi bị bắt Kh bỏ cả số tiền xuống chiếu bạc; Phạm Ngọc T khai nhận: Khi đi T mang theo 5.500.000 đồng và sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc, khi bị bắt, Tuân bỏ tiền xuống chiếu bạc và bị thu giữ 4.000.000 đồng trên

người; Phạm Văn Ngh khai nhận: Khi đi Ngh mang theo 1.000.000 đồng nhưng không sử dụng vào việc đánh bạc. Nghĩa vay của L 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt, Ngh bỏ cả tiền xuống chiếu bạc; Nguyễn Văn L khai nhận: Khi đi, L mang theo 8.000.000 đồng, L cho Ngh vay 500.000 đồng và sử dụng 500.000 đồng vào việc đánh bạc, khi bị bắt, L bị thu giữ trên người số tiền 7.000.000 đồng; Ngô Đức S khai nhận: Khi đi S mang theo số tiền 15.000.000 đồng và sử dụng 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc, khi bị bắt, S bị thu giữ số tiền 1.500.000 đồng dưới chiếu bạc và 14.000.000 đồng trên người; Hứa Văn Tr khai nhận: Khi đánh bạc Tr có 560.000 đồng, khi bị bắt giữ, Tr bỏ cả số tiền trên xuống chiếu bạc; Ngô Doãn Ch khai nhận Ch mang theo 360.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt đang bị thua số tiền còn lại 260.000 đồng thu giữ trên người.

Tại bản Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 17/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy các bị cáo: Phạm Công Kh, Phạm Ngọc T, Phạm Văn Ngh, Nguyễn Văn L, Ngô Đức S, Hứa Văn Tr và Ngô Doãn Ch về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đại diện VKSND huyện Giao Thủy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định hành vi của các bị cáo Phạm Công Kh, Phạm Ngọc T, Phạm Văn Ngh, Nguyễn Văn L, Ngô Đức S, Hứa Văn Tr và Ngô Doãn Ch đã sử dụng tổng số tiền 5.860.000 đồng vào việc đánh liêng, nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc”. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Công Kh, Phạm Ngọc T, Phạm Văn Ngh, Nguyễn Văn L, Ngô Đức S, Hứa Văn Tr và Ngô Doãn Ch phạm tội “Đánh bạc”. Về hình phạt áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Công Kh từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt các bị cáo Phạm Ngọc T, Phạm Văn Ngh và Nguyễn Văn L mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Ngô Đức S, Hứa Văn Tr và Ngô Doãn Ch mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và điều kiện thu nhập của các bị cáo. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho cả 07 bị cáo.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 5.860.000 đồng (Năm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, một mặt màu xanh, một mặt in hình các quan bài đã qua sử dụng; 01 bộ bài tú lơ khơ nhãn hiệu DOUBLEK vỏ màu xanh còn nguyên vẹn; 01 bộ bài tú lơ khơ nhãn hiệu DIAMOND vỏ màu đỏ, còn nguyên vẹn; 02 chiếc chiếu màu xanh trắng đã cũ đã qua sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo Hứa Văn Tr, có ý kiến: Hoàn toàn nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo Tr, về tội danh cũng như hình phạt. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Tr là người dân tộc, phạm tội do lạc hậu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương và xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 09 giờ ngày 09/7/2018, Phạm Công Kh, Phạm Ngọc T, Phạm Văn Ngh và Nguyễn Văn L đến nhà coi đầm của Kh tại khu nuôi trồng thủy sản ở xã GA uống nước. Tại đây, Kh, T, Ngh và L cùng thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh liêng ăn tiền, vào gà 20.000 đồng/ván, tổ cao nhất 200.000 đồng, ai được sấp thì bỏ ra 100.000 đồng ăn trưa. Kh lấy 01 bộ bài tú lơ khơ đã có sẵn ở nhà coi đầm của mình rồi cùng T, Ngh, L ngồi xuống chiếu đã được trải từ trước đánh bạc ăn tiền. Sau đó lần lượt các đối tượng: Ngô Đức S, Hứa Văn Tr và Ngô Doãn Ch cũng đến nhà coi đầm của Kh và tham gia đánh bạc ăn tiền cùng Kh, T, Ngh, L. Các đối tượng đánh liêng ăn tiền từ khoảng 09 giờ đến 11 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Giao Thủy phát hiện bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.100.000 đồng, 02 chiếu nhựa, 01 bộ bài tú lơ khơ, thu trên người các đối tượng số tiền 760.000 đồng các bị cáo khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc. Hành vi đánh bạc dưới hình thức liêng ăn tiền, với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 5.860.000 đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ảnh hưởng xấu tới trật tự an ninh, trật tự xã hội. Cờ bạc là tệ nạn của xã hội, các bị cáo đều xác định được đánh bạc dưới hình thức đánh liêng ăn tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo cố ý thực hiện hành vi của mình, sát phạt nhau để thu lời bất chính. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng hành vi của mỗi bị cáo nhằm trừng trị giáo dục riêng đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Xét vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt phù hợp.

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan CSĐT và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có đơn trình bày điều kiện gia đình khó khăn là lao động chính được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Người bào chữa cho bị cáo Hứa Văn Tr, đề nghị áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạm tội do lạc hậu, nhưng theo các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của bị cáo Tr tại phiên tòa thì bị cáo là người dân tộc Nùng, hiện là chủ của 300 đàn ong mang từ BG về huyện Giao Thủy khai thác mật nên không thể cho là bị cáo lạc hậu được. Vì vậy quan điểm của người bào chữa không được chấp nhận. Các bị cáo đồng phạm về tội đánh bạc giữ vai trò ngang nhau, tuy nhiên bị cáo Kh đã sử dụng nhà coi đăm của mình cho các bị cáo cùng đánh bạc và căn cứ vào lượng tiền, thời gian đánh bạc của từng bị cáo, thì vị trí của từng bị cáo xếp lần lượt như sau Phạm Công Kh, Phạm Ngọc T, Phạm Văn Ngh, Nguyễn Văn L, Ngô Đức S, Hứa Văn Tr và Ngô Doãn Ch để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy tất cả các bị cáo trong vụ án đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, có hướng tự cải tạo. Vì vậy không nhất thiết buộc các bị cáo phải tập trung cải tạo, mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo: Phạm Công Kh, Phạm Ngọc T, Phạm Văn Ngh và Nguyễn Văn L; Phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Ngô Đức S, Hứa Văn Tr và Ngô Doãn Ch, như quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo điều kiện gia đình khó khăn. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 5.860.000 đồng (Năm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Tịch thu cho tiêu hủy: 03 bộ tú lơ khơ và 02 chiếc chiếu đã thu giữ.

- Đối với 13 chiếc điện di động, 07 chiếc xe máy và 25.500.000 đồng quá trình điều tra xác định đó là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Công Kh, Phạm Ngọc T, Phạm Văn Ngh, Nguyễn Văn L, Ngô Đức S, Hứa Văn Tr và Ngô Doãn Ch phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Phạm Công Kh 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2018 đến ngày 03/8/2018).

+ Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018).

+ Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Ngh 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018).

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018).

Giao bị cáo Phạm Công Kh cho UBND xã GA, huyện GT, tỉnh ND giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Phạm Ngọc T cho UBND xã XN, huyện XT, tỉnh ND giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao các bị cáo Phạm Văn Ngh và bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND xã XH, huyện XT, tỉnh ND giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Ngô Đức S 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày bị bắt tạm giữ trước khi xét xử là 05 ngày, quy đổi $05 \times 3 = 15$ ngày (bị cáo đã bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 23 tháng 15 ngày.

+ Xử phạt bị cáo Hứa Văn Tr 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam trước khi xét xử là 26 ngày, quy đổi $26 \times 3 = 78$ ngày (bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2018 đến ngày 03/8/2018). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 21 tháng 12 ngày.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Doãn Ch 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày bị bắt tạm giữ trước khi xét xử là 05 ngày, quy đổi 05

x 3 = 15 ngày (bị cáo đã bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2018 đến ngày 14/7/2018). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 23 tháng 15 ngày.

Giao các bị cáo Ngô Đức S và bị cáo Ngô Doãn Ch cho UBND xã GT, huyện GT, tỉnh ND giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Hứa Văn Tr cho UBND xã TS, huyện LN, tỉnh BG giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày UBND xã nơi cư trú được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Ngô Đức S, Ngô Doãn Ch và Hứa Văn Tr.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 5.860.000 đồng (Năm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Tịch thu cho tiêu hủy: 03 bộ tú lơ khơ và 02 chiếc chiếu.

(Được ghi chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Phạm Công Kh, Phạm Ngọc T, Phạm Văn Ngh, Nguyễn Văn L, Ngô Đức S, Hứa Văn Tr và Ngô Doãn Ch mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Công an huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao An;
- UBND xã Xuân Hòa;
- UBND xã Giao Thiện;
- UBND xã Xuân Ninh;
- UBND xã Tân Sơn;
- Mỗi bị cáo: 01 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm

